



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 45
8. Phụ lục	46 - 48

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Bê tông 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 4603000013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650
- Fax : (0650)3751628

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : Tầng 6 – Tòa nhà Hưng Bình, 406 Ung Văn Khiêm, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 6682.6555
- Fax : (84.8) 3510.6222

Chi nhánh Công ty cổ phần Bê tông 6

- Địa chỉ : Lô C.03, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Điện thoại : (84-8) 3873 5000
- Fax : (84-8) 3873 5009

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...);
- Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Đầu tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình ;
- Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thương, bê tông tươi và bê tông siêu tương (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải);
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất;
- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu;
- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Cầu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Châu Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đua	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Thanh Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010
Ông Bùi Đăng Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Ngọc Dũng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1449
ÔNG
NHIỆM
DÂN V.
&
T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BÊT ON 6**

M.S.D.N. 3700364079-C.T.C.P.

Trần Văn Cầu
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 4 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0622/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.272.835.233.288	1.223.744.188.050
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.027.396.912	34.134.686.960
1. Tiền	111		11.910.862.505	33.074.449.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.116.534.407	1.060.237.216
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		885.611.866.640	861.983.373.509
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	661.554.241.884	602.524.666.501
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.005.949.437	40.957.558.624
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	64.489.355.757	61.989.355.757
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	207.985.647.827	185.263.344.701
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(62.423.328.265)	(28.751.552.074)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		371.194.343.051	324.217.506.103
1. Hàng tồn kho	141	V.8	378.235.282.893	331.258.445.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(7.040.939.842)	(7.040.939.842)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.626.685	408.621.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	368.778.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.626.685	39.842.923
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		384.707.234.191	394.130.893.183
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		113.000.000	228.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	113.000.000	228.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.240.683.491	46.157.000.337
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	37.240.683.491	46.157.000.337
- Nguyên giá	222		225.205.552.270	236.813.503.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.964.868.779)	(190.656.502.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	132.376.328.400	3.331.178.400
- Nguyên giá	231		132.376.328.400	3.331.178.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.397.062.108	38.397.062.108
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	38.397.062.108	38.397.062.108
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		158.615.399.852	155.419.411.729
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	149.276.599.775	146.498.541.652
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	24.656.510.000	24.656.510.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(15.317.709.923)	(15.735.639.923)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.964.760.340	150.598.040.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.622.112.087	136.809.660.309
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.223.383.856	3.503.978.752
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	8.119.264.397	10.284.401.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.657.542.467.479	1.617.875.081.233

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.131.906.992.545	1.119.078.480.931
I. Nợ ngắn hạn	310		1.131.005.856.222	1.117.609.686.956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	413.511.489.560	306.287.734.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	36.490.746.158	89.637.018.922
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	9.231.603.378	3.974.006.090
4. Phải trả người lao động	314	V.18	13.605.258.446	6.718.907.216
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	28.244.465.383	29.358.673.082
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	24.639.751.007	17.786.988.267
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	601.324.804.304	658.690.038.341
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	3.957.737.986	5.156.320.134
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		901.136.323	1.468.793.975
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	498.986.463	1.066.644.115
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	402.149.860	402.149.860
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		525.635.474.934	498.796.600.302
I. Vốn chủ sở hữu	410		525.635.474.934	498.796.600.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(559.957.325)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	72.592.050.024	73.235.628.693
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	124.246.638.229	97.097.807.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		99.160.830.572	97.097.807.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.085.807.657	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	(578.755.994)	(1.472.336.286)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.657.542.467.479	1.617.875.081.233

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.139.655.906.739	779.870.403.047
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.139.655.906.739	779.870.403.047
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	994.626.696.534	679.082.178.905
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		145.029.210.205	100.788.224.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.834.832.585	32.015.697.024
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57.660.476.990	54.467.406.861
Trong đó: chi phí lãi vay	23		55.245.834.026	60.489.090.635
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.564.095.690	1.502.970.800
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.481.782.181	4.547.796.020
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	80.822.291.567	50.655.870.941
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.463.587.742	24.635.818.144
12. Thu nhập khác	31	VI.7	9.426.493.377	26.306.031.236
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.416.419.122	8.020.109.573
14. Lợi nhuận khác	40		6.010.074.255	18.285.921.663
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.473.661.997	42.921.739.807
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	4.213.679.152	2.228.429.762
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	280.594.896	(10.757.541)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.979.387.949	40.704.067.586
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		25.085.807.657	42.470.582.010
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		893.580.292	(1.766.514.424)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	763	1.270
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	763	1.270

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2016


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Người lập biểu


 Võ Thị Xuân Lan
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.473.661.997	42.921.739.807
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 14	14.457.196.713	19.399.762.845
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, 7	34.673.290.177	(9.426.586.224)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	32.551.447	(208.828)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.3, 7	(24.267.911.165)	(55.783.376.452)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	55.245.834.026	60.489.090.635
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110.614.623.195	57.600.421.783
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.659.474.205)	(76.471.947.674)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.976.836.948)	(14.975.748.521)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		62.895.577.560	40.970.853.061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.142.398.222	(934.753.392)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55.245.834.026)	(60.339.571.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.615.620.879)	(8.931.781.130)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.128.489.512)	(5.836.879.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.026.343.407	(68.919.406.698)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(3.492.841.620)	(3.323.461.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.075.834.546	797.772.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(2.500.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.001.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	93.149.535.082
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.3	275.096.451	18.653.616.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.641.910.623)	46.277.461.185

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24a	(559.957.325)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a	809.355.590.926	773.974.668.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a	(867.288.482.615)	(744.538.937.010)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(58.492.849.014)</i>	<i>29.435.731.540</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(21.108.416.230)</i>	<i>6.793.786.027</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34.134.686.960	27.340.692.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.126.182	208.828
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>13.027.396.912</i>	<i>34.134.686.960</i>

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Beton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn tăng mạnh so với năm trước chủ yếu là do khối lượng sản phẩm bê tông bán ra tăng mạnh. Tập đoàn đang đẩy mạnh sản xuất và cung ứng các loại sản phẩm bê tông trên thị trường để phát triển hoạt động mũi nhọn của Tập đoàn.

Theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết từ ngày 27 tháng 11 năm 2015.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Thiết kế, giám sát, thi công, kiểm định công trình	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất cấu kiện bê tông	99,85%	99,85%	99,85%	99,85%

1987
GT
EM HỮU
VÀ T
& C
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Bestcon	406 Ung Văn Khiêm, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình	74,00%	74,00%	74,00%	74,00%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng	24,27%	24,27%	24,27%	24,27%
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	406 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán vật liệu xây dựng	49,13%	49,13%	49,13%	49,13%
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn	20,83%	20,83%	20,83%	20,83%

6d. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lý do
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Xây dựng	45,00%	45,00%	Đang trong quá trình giải thể
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	46 Đường số 14, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	Đầu tư xây dựng	30,00%	30,00%	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Đầu tư xây dựng	40,00%	40,00%	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 ĐăkLắk	02 đường Trịnh Văn Cấn, phường Tân An, TP. Buon Ma Thuột, tỉnh ĐăkLắk	Đầu tư xây dựng	50,00%	50,00%	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Kinh doanh vật liệu xây dựng	40,00%	40,00%	Không có thông tin tình hình tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 843 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 761 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

315-C
TY
HỮU H
TU VÀ
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nổi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí tư vấn lập dự án

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 01 được phân bổ khi Tập đoàn tham gia đấu thầu công trình.

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép được phân bổ khi Tập đoàn thực tế sử dụng công nghệ này trong sản xuất bê tông cốt thép.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được phân bổ với thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	02 – 15

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập từ 02% - 05% tùy theo cam kết với khách hàng.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

004
CỘNG
HÒA
TOÀN
A
VH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	703.761.726	1.269.584.705
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.207.100.779	31.804.865.039
Các khoản tương đương tiền	1.116.534.407	1.060.237.216
<i>(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i>		
Cộng	<u>13.027.396.912</u>	<u>34.134.686.960</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn không có khoản tiền gửi ngân hàng nào được dùng để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có tiền gửi ngân hàng với số tiền là 21.214.208.654 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn.

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 885.732.314 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.633.049.352 VND) chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bằng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm. Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng này đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới ⁽ⁱ⁾	12.500.000.000	4.940.471.437	17.440.471.437	12.500.000.000	3.354.067.700	15.854.067.700
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	815.200.000	-	815.200.000	815.200.000	-	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới ⁽ⁱⁱ⁾	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam ⁽ⁱⁱ⁾	3.400.000.000	-	3.400.000.000	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 ĐắkLắk ⁽ⁱⁱ⁾	6.620.000.000	-	6.620.000.000	6.620.000.000	-	6.620.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	13.700.000.000(10.913.962.433)	-	2.786.037.567
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp ^(iv)	50.000.000.000	24.799.749.378	74.799.749.378	50.000.000.000	21.808.978.011	71.808.978.011
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai ^(v)	44.218.720.000	682.458.960	44.901.178.960	44.218.720.000	(304.461.626)	43.914.258.374
Cộng	118.853.920.000	30.422.679.775	149.276.599.775	132.553.920.000	13.944.621.652	146.498.541.652

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500419552, thay đổi lần 07 ngày 19 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.
- (ii) Các khoản đầu tư này Tập đoàn đã lập dự phòng 100% giá trị đầu tư (xem thuyết minh số V.2d)
- (iii) Trong năm, Công ty mẹ đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư VBA tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi sau đó chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu mà Công ty mẹ đang nắm giữ tại công ty này cho Ông Trần Nguyên Vũ theo Hợp đồng số 01/HĐCNCP ngày 20 tháng 01 năm 2015.
- (iv) Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp 50.000.000.000 VND, tương đương 24,27% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312479451 ngày 27 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai 44.218.720.000 VND, tương đương 49,13% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giảm do chuyển nhượng	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	15.854.067.700	1.586.403.737	-	17.440.471.437
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	-	-	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	-	-	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	3.400.000.000	-	-	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 ĐắkLắk	6.620.000.000	-	-	6.620.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	2.786.037.567	-	(2.786.037.567)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giảm do chuyển nhượng	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	71.808.978.011	2.990.771.367	-	74.799.749.378
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	43.914.258.374	986.920.586	-	44.901.178.960
Cộng	146.498.541.652	5.564.095.690	(2.786.037.567)	149.276.599.775

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới		
Mua hàng hóa	14.744.545.455	-
Mua dịch vụ đóng cọc	109.200.000	-
Doanh thu thi công công trình	3.477.272.727	-
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp		
Góp vốn	-	50.000.000.000
Vay	44.900.000.000	-
Lãi vay	76.613.333	-
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai		
Góp vốn	-	75.918.720.000
Thoái vốn	-	31.700.000.000
Mua nguyên vật liệu	67.099.786.111	45.379.077.015
Thuê xe	528.000.000	-
Sao Mai chuyển tiền mua lại phần vốn góp	10.000.000.000	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	3.060.000.000	(60.000.000)		3.060.000.000	(60.000.000)	
Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	2.040.000.000	(1.440.000.000)		2.040.000.000	(1.440.000.000)	
Công ty cổ phần cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	2.050.000.000	(1.570.000.000)	480.000.000	2.050.000.000	(1.645.000.000)	405.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	846.510.000	-	958.592.000	846.510.000	(342.930.000)	503.580.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	1.500.000.000	(112.509.923)		1.500.000.000	(112.509.923)	
Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	15.160.000.000	-		15.160.000.000	-	
Cộng	24.656.510.000	(3.182.509.923)		24.656.510.000	(3.600.439.923)	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết do không lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu	12.135.200.000	12.135.200.000
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.182.509.923	3.600.439.923
Cộng	15.317.709.923	15.735.639.923

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.735.639.923	24.693.219.335
Hoàn nhập	(417.930.000)	(8.957.579.412)
Số cuối năm	15.317.709.923	15.735.639.923

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	1.531.194.602	1.531.194.602
Công ty cổ phần xây dựng 620 - Bến Tre	1.531.194.602	1.531.194.602
Phải thu các khách hàng khác	660.023.047.282	600.993.471.899
Công ty TNHH một thành viên 3D - Long Hậu	88.944.423.129	79.159.497.608
Ban quản lý điều hành dự án Gói thầu số 2 (Cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây)	87.053.672.618	118.053.672.618
Các khách hàng khác	484.024.951.535	403.780.301.673
Cộng	661.554.241.884	602.524.666.501

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	-	9.612.873.160
Công ty TNHH Mascon	-	25.650.036.182
Công ty TNHH tư vấn SSC	4.522.289.157	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Tân Vũ	2.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	7.483.660.280	5.694.649.282
Cộng	14.005.949.437	40.957.558.624

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho bên liên quan vay	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần xây dựng 620 - Bến Tre - Cho mượn	100.000.000	100.000.000
Cho các tổ chức khác vay	64.389.355.757	61.889.355.757
Cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay	53.309.000.000	53.309.000.000
Cho các công ty khác vay	11.080.355.757	8.580.355.757
Cộng	64.489.355.757	61.989.355.757

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	10.099.348.302	(2.196.504.179)	18.682.031.774	(2.196.504.179)
Công ty cổ phần xây dựng 620 - Bến Tre - Vay hộ	2.109.460.846	(2.109.460.846)	2.109.460.846	(2.109.460.846)
Công ty cổ phần xây dựng 620 - Bến Tre - Cổ tức phải thu	87.043.333	(87.043.333)	87.043.333	(87.043.333)
Công ty cổ phần 620 Châu Thới - Cổ tức phải thu	-	-	3.372.463.505	-
Ông Trịnh Thanh Huy - Phải thu về chuyển nhượng vốn	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Phải thu tạm ứng	1.702.844.123	-	6.913.064.090	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	197.886.299.525	(195.656.693)	166.581.312.927	-
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt - Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	94.590.848.000	-	55.490.848.000	-
Công ty cổ phần đầu tư VBA- Phải thu chuyển nhượng vốn	31.700.000.000	-	48.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu - Lãi dự thu tiền cho vay	29.689.153.515	-	23.203.225.181	-
Tạm ứng	28.647.508.705	-	23.015.497.696	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.687.364.349	-	4.031.487.784	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.571.424.956	(195.656.693)	12.040.254.266	-
Cộng	207.985.647.827	(2.392.160.872)	185.263.344.701	(2.196.504.179)

6b. Phải thu dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê container và các khoản đặt cọc khác.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		2.296.504.179	-	2.296.504.179	-
Công ty cổ phần xây dựng 620 - Bến Tre	Quá hạn trên 3 năm	2.296.504.179	-	2.296.504.179	-
Các tổ chức khác		78.742.282.279	18.615.458.193	28.319.177.436	1.864.129.541
Công ty cổ phần đầu tư Pacific	Quá hạn trên 3 năm	11.098.284.109	5.549.142.054	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH xây dựng kinh doanh nhà ở Phương Nam	Quá hạn trên 3 năm	11.352.686.858	3.405.806.057	Quá hạn trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Đức Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	7.094.164.547	3.547.082.273	Quá hạn trên 3 năm	-	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng	Quá hạn trên 3 năm	2.973.092.981	-	Quá hạn trên 3 năm	2.973.092.981	-
Phải thu các tổ chức khác	Quá hạn trên 3 năm	46.224.053.784	6.113.427.809	Quá hạn trên 3 năm	25.346.084.455	1.864.129.541
Cộng		81.038.786.458	18.615.458.193		30.615.681.615	1.864.129.541

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	28.751.552.074	29.637.518.736
Trích lập dự phòng bổ sung	35.091.220.177	-
Hoàn nhập	-	(469.006.812)
Xử lý công nợ	-	(142.661.734)
Giảm khác	(1.419.443.986)	(274.298.116)
Số cuối năm	62.423.328.265	28.751.552.074

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.363.781.189	(2.322.969.654)	16.323.258.381	(2.322.969.654)
Công cụ, dụng cụ	717.796.915	-	746.795.622	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽ⁱ⁾	212.420.052.749	-	242.273.507.744	-
Thành phẩm	137.656.978.628	(2.312.076.206)	68.229.164.814	(2.312.076.206)
Hàng hóa	5.673.509.430	(2.730.000)	1.282.555.402	(2.730.000)
Hàng gửi đi bán	2.403.163.982	(2.403.163.982)	2.403.163.982	(2.403.163.982)
Cộng	378.235.282.893	(7.040.939.842)	331.258.445.945	(7.040.939.842)

⁽ⁱ⁾ Trong đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Gói 2 và Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 139.431.163.654 VND có một phần là công nghệ thi công lắp ghép đường trên cao, đang được Công ty mẹ chuyển giao cho các đơn vị khác với tổng số tiền dự kiến thu được từ 130.000.000.000 VND đến 145.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.347.938.377	106.524.309.049	80.152.030.422	3.380.116.581	19.409.108.635	236.813.503.064
Mua trong năm	242.000.000	3.063.841.620	187.000.000	-	-	3.492.841.620
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.907.994.467)	(3.192.797.947)	-	-	(15.100.792.414)
Số cuối năm	<u>27.589.938.377</u>	<u>97.680.156.202</u>	<u>77.146.232.475</u>	<u>3.380.116.581</u>	<u>19.409.108.635</u>	<u>225.205.552.270</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.875.705.763	59.474.364.303	54.028.414.403	3.247.376.581	5.398.204.660	133.024.065.710
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.773.476.750	84.663.597.779	71.507.750.560	3.191.814.661	15.519.862.977	190.656.502.727
Khấu hao trong năm	626.242.948	7.111.185.459	3.133.227.371	134.537.921	1.286.865.842	12.292.059.541
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	70.092.636	-	-	-	-	70.092.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.901.157.817)	(3.152.628.308)	-	-	(15.053.786.125)
Số cuối năm	<u>16.469.812.334</u>	<u>79.873.625.421</u>	<u>71.488.349.623</u>	<u>3.326.352.582</u>	<u>16.806.728.819</u>	<u>187.964.868.779</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>11.574.461.627</u>	<u>21.860.711.270</u>	<u>8.644.279.862</u>	<u>188.301.920</u>	<u>3.889.245.658</u>	<u>46.157.000.337</u>
Số cuối năm	<u>11.120.126.043</u>	<u>17.806.530.781</u>	<u>5.657.882.852</u>	<u>53.763.999</u>	<u>2.602.379.816</u>	<u>37.240.683.491</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 và hệ thống xử lý nước thải có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.434.881.537 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số V.21b).

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn được nắm giữ chờ tăng giá. Chi tiết phát sinh như sau:

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	3.331.178.400
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	129.045.150.000
Số cuối năm	<u>132.376.328.400</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	-
Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	-
Tổn thất do suy giảm giá trị	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.331.178.400
Số cuối năm	<u>132.376.328.400</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế/ Tồn thất do suy giảm giá trị</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	3.331.178.400	-	3.331.178.400
03 lô đất trong Khu công nghiệp Long Hậu - Hợp đồng thuê đất số 20/2010/HĐTD-LHC-MAR ⁽ⁱⁱ⁾	129.045.150.000	-	129.045.150.000
Cộng	132.376.328.400	-	132.376.328.400

(i) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn đã được dùng để thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

(ii) Một phần quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm TSCĐ	2.930.687.282	2.930.687.282
XDCB dở dang	35.466.374.826	35.466.374.826
- Công trình mở rộng bãi ã	8.586.545.434	8.586.545.434
- Công trình Nhà máy Bê tông Long Hậu – tại Khu công nghiệp Long Hậu, Long An	26.472.583.619	26.472.583.619
- Dự án nhà ở Châu Thới	407.245.773	407.245.773
Cộng	38.397.062.108	38.397.062.108

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	764.912.087	1.700.811.172
Chi phí tư vấn lập dự án	1.650.000.000	1.650.000.000
Tiền thuê đất	-	129.045.150.000
Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép	4.207.200.000	4.207.200.000
Công cụ, dụng cụ	-	206.499.137
Cộng	6.622.112.087	136.809.660.309

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Các chi phí phải trả	110.533.350	27.900.141	138.433.491
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	1.537.815.094	(139.801.372)	1.398.013.722
Chi phí khấu hao	1.855.630.308	(168.693.665)	1.686.936.643
Cộng	3.503.978.752	(280.594.896)	3.223.383.856

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	
Nguyên giá		
Số đầu năm		21.651.371.722
Số cuối năm		21.651.371.722
Số đã phân bổ		
Số đầu năm		11.366.970.174
Phân bổ trong năm		2.165.137.172
Giảm khác		(21)
Số cuối năm		13.532.107.325
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		10.284.401.548
Số cuối năm		8.119.264.397

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	33.753.757.377	31.417.464.597
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	33.753.757.377	31.417.464.597
Phải trả các nhà cung cấp khác	379.757.732.183	274.870.270.307
Công ty cổ phần Long Hậu ⁽¹⁾	89.412.552.246	89.412.552.246
Các nhà cung cấp khác	290.345.179.937	185.457.718.061
Cộng	413.511.489.560	306.287.734.904

⁽¹⁾ Khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng thuê đất số 20/2010/HĐTD-LHC-MAR (xem thuyết minh số V.10). Tập đoàn đang đàm phán với Công ty cổ phần Long Hậu về đồng tiền sử dụng trong thanh toán cũng như tiền lãi phải trả theo hợp đồng nên chưa điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cho khoản nợ phải trả này.

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư phát triển & quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long	4.299.460.117	40.299.460.117
Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận Thủ Đức	3.363.972.000	-
Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	8.982.181.000	-
Ban quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Đồng Tháp	-	12.914.306.000
Các khách hàng khác	19.845.133.041	36.423.252.805
Cộng	36.490.746.158	89.637.018.922



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.758.912.154	-	11.885.910.974	(9.104.171.261)	4.540.651.867	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.093.480.628	(4.093.480.628)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	52.432.252	(53.758.552)	-	1.326.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.615.889.789	39.542.538	4.213.679.152	(1.615.889.789)	4.174.136.614	-
Thuế thu nhập cá nhân	599.204.147	300.385	999.990.989	(1.251.923.496)	347.271.640	300.385
Tiền thuê đất	-	-	1.425.849.282	(1.425.849.282)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.028.200	(1.028.200)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	212.878.625	(43.335.368)	169.543.257	-
Cộng	3.974.006.090	39.842.923	22.885.250.102	(17.589.436.576)	9.231.603.378	1.626.685

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA	Không chịu thuế
- Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển	10%
- Hàng hóa khác	05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông 6	3.740.890.747	2.213.972.852
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	-	268.909
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	472.788.405	14.188.001
Cộng	4.213.679.152	2.228.429.762

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 221.577,20 m² đất đang sử dụng tại Km 1877 QL 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với mức 6.435 VND/m².

Thuế bảo vệ môi trường

Tập đoàn phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động đối với nước thải công nghiệp.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Long Hậu - Chi phí lãi chậm thanh toán	10.602.730.042	10.602.730.042
Chi phí công trình	14.020.513.355	16.822.570.953
Chi phí tư vấn	2.351.133.874	-
Chi phí vận chuyển	-	1.154.545.454
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.270.088.112	778.826.633
Cộng	<u>28.244.465.383</u>	<u>29.358.673.082</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<u>10.000.000.000</u>	-
Công ty cổ phần phân phối và cung ứng vật liệu Sao Mai - Phải trả về chuyển nhượng cổ phiếu	10.000.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>14.639.751.007</u>	<u>17.786.988.267</u>
Kinh phí công đoàn	692.966.101	530.935.375
Bảo hiểm xã hội	684.648	1.227.838.678
Bảo hiểm y tế	140.580	142.243.968
Bảo hiểm thất nghiệp	-	56.053.479
Phải trả tiền ứng thanh lí công ty liên kết	-	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu - Tạm nhập kho hàng hóa	272.532.512	272.532.512
Công ty cổ phần đầu tư bê tông công nghệ cao - Tạm nhập cọc ống	8.325.560.900	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.338.891.727	4.369.669.796
Cộng	<u>24.639.751.007</u>	<u>17.786.988.267</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vay

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp ⁽ⁱ⁾	25.000.000.000	3.500.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng</i>	<i>575.757.146.652</i>	<i>652.831.880.689</i>
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	65.957.871.821	92.329.276.290
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	-	103.668.938.477
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱⁱⁱ⁾	165.917.353.246	157.693.304.059
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	44.450.932.950
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	243.887.380.382	145.295.072.628
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	99.994.541.203	109.394.356.285
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)</i>	<i>567.657.652</i>	<i>2.058.157.652</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	235.000.000	445.200.000
Ngân hàng TNHH Indovina	332.657.652	1.612.957.652
Cộng	<u>601.324.804.304</u>	<u>658.690.038.341</u>

- (i) Khoản vay Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp với lãi suất 7,8%/năm.
- (ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp, có thể chấp bổ sung các quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	3.500.000.000	44.900.000.000	-	(23.400.000.000)	25.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	652.831.880.689	764.405.590.926	-	(841.480.324.963)	575.757.146.652
Vay ngắn hạn cá nhân khác	300.000.000	-	-	(300.000.000)	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.058.157.652	-	567.657.652	(2.058.157.652)	567.657.652
Cộng	<u>658.690.038.341</u>	<u>809.305.590.926</u>	<u>567.657.652</u>	<u>(867.238.482.615)</u>	<u>601.324.804.304</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱ⁾	498.986.463	831.644.115
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	235.000.000
Cộng	498.986.463	1.066.644.115

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 và Hợp đồng vay số 71/06/2013/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2013 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 và đầu tư hệ thống xử lý nước thải với lãi suất 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270 và hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	567.657.652	1.029.628.826
Trên 1 năm đến 5 năm	498.986.463	1.066.644.115
Cộng	1.066.644.115	2.096.272.941

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.066.644.115	1.723.556.916
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(567.657.652)	(656.912.801)
Số cuối năm	498.986.463	1.066.644.115

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.429.060.455	(156.500.000)	-	1.272.560.455
Quỹ phúc lợi	530.868.530	(347.830.000)	-	183.038.530
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	751.266.949	-	(70.092.636)	681.174.313
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.445.124.200	(624.159.512)	-	1.820.964.688
Cộng	5.156.320.134	(1.128.489.512)	(70.092.636)	3.957.737.986

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây lắp.

315-1
TY
HỮU H
À TỰ V
C
iô ch

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	-	72.682.527.189	38.683.552.389	441.301.579.578
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	42.470.582.010	42.470.582.010
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	553.101.504	(553.101.504)	-
Hủy thanh toán cổ tức năm trước	-	-	-	16.496.775.000	16.496.775.000
Số dư cuối năm trước	329.935.500.000	-	73.235.628.693	97.097.807.895	500.268.936.588
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	-	73.235.628.693	97.097.807.895	500.268.936.588
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	25.085.807.657	25.085.807.657
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(559.957.325)	-	-	(559.957.325)
Tăng giảm khác	-	-	(643.578.669)	2.063.022.677	1.419.444.008
Số dư cuối năm nay	329.935.500.000	(559.957.325)	72.592.050.024	124.246.638.229	526.214.230.928

24b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	88.040	-
- Cổ phiếu phổ thông	88.040	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.905.510	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.905.510	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.472.336.286)	31.970.483.575
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	893.580.292	(1.766.514.424)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(31.676.305.437)
Số cuối năm	(578.755.994)	(1.472.336.286)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.542.796.512	4.198.449.024
Trên 1 năm đến 5 năm	4.885.522.288	3.778.604.122
Cộng	6.428.318.800	7.977.053.146

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Hưng Bình - 406 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh được Tập đoàn thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê và phí quản lý được điều chỉnh hàng năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2015.

26b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1,034.70 USD (số đầu năm là 1,069.72 USD).

26c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản nợ tại ngày kết thúc năm tài chính là 8.816.109.801 VND (số đầu năm là 8.816.109.801 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	391.914.527.867	273.840.395.683
Doanh thu sản phẩm bê tông	577.829.678.204	420.980.759.375
Doanh thu khác	169.911.700.668	85.049.247.989
Cộng	1.139.655.906.739	779.870.403.047

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây dựng	349.004.831.294	235.307.233.723
Giá vốn sản phẩm bê tông	471.379.511.613	358.291.204.854
Giá vốn khác	174.242.353.627	85.483.740.328
Cộng	994.626.696.534	679.082.178.905

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	129.257.899	166.431.872
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	239.149.251	134.759.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.947.200	41.938.400
Lãi cho vay	6.485.928.334	6.485.928.333
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	8.866.210.210
Lãi do thoái vốn của Công ty con	-	15.630.457.801
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	10.913.962.433	686.892.049
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.587.468	2.870.197
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	208.828
Cộng	<u>17.834.832.585</u>	<u>32.015.697.024</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	55.245.834.026	60.489.090.635
Lãi mua hàng trả chậm	2.411.958.736	2.759.634.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	388.062.781	176.261.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	32.551.447	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(417.930.000)	(8.957.579.412)
Cộng	<u>57.660.476.990</u>	<u>54.467.406.861</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.243.441.666	3.614.770.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.587.271	257.835.433
Các chi phí khác	1.236.753.244	675.189.946
Cộng	<u>5.481.782.181</u>	<u>4.547.796.020</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.637.404.633	21.675.913.990
Chi phí vật liệu quản lý	1.680.192.127	2.183.047.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.537.916	384.823.239
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	35.091.220.177	(469.006.812)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	935.299.608	1.901.918.399
Phân bổ lợi thế thương mại	2.165.137.172	2.483.416.050
Các chi phí khác	25.178.499.934	22.495.758.721
Cộng	<u>80.822.291.567</u>	<u>50.655.870.941</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, sắt phế liệu	1.028.828.257	625.241.514
Thu từ bảo hành Công trình	1.753.159.184	-
Bất lợi thương mại của khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	21.808.978.011
Chiết khấu mua hàng	6.308.010.800	3.155.519.000
Thu nhập khác	336.495.136	716.292.711
Cộng	<u>9.426.493.377</u>	<u>26.306.031.236</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu năm các năm trước	1.399.158.095	501.400.000
Lãi phạt nộp chậm BHXH	71.243.538	84.876.306
Điều chỉnh doanh thu theo biên bản thanh lý	1.311.973.306	6.219.301.975
Các khoản chi phí khác	634.044.183	1.214.531.292
Cộng	<u>3.416.419.122</u>	<u>8.020.109.573</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	25.085.807.657	42.470.582.010
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(553.101.504)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	25.085.807.657	41.917.480.506
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	32.878.670	32.993.550
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>763</u>	<u>1.270</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	400.065.672.316	362.913.540.993
Chi phí nhân công	115.148.066.058	88.945.139.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.457.196.713	19.399.762.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.753.761.205	9.687.491.280
Chi phí khác	329.635.329.396	182.034.710.063
Cộng	<u>863.060.025.688</u>	<u>662.980.644.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Tập đoàn cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (năm trước chỉ có giao dịch về chuyển nhượng vốn cho các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 6.200.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.851.841.994	4.513.209.565
Thù lao được hưởng	352.500.000	132.000.000
Tiền thưởng	51.994.000	356.307.800
Cộng	2.256.335.994	5.001.517.365

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

875
TY
HỮU
Ả TU
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp đã đồng ý nhận chuyển giao công nghệ bê tông đúc sẵn lắp ghép từ Tập đoàn với giá chuyển giao dự kiến từ 100.000.000.000 VND đến 115.000.000.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.15, V.20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoài khoản công nợ với Công ty cổ phần xây dựng 620 – Bến Tre đã được lập dự phòng 100%, Tập đoàn không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư, dịch vụ lao phông và vận chuyển.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Ngoài ra Tập đoàn cũng điều chỉnh hồi tố giảm bất lợi thương mại của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp với số tiền 7.442.824.864 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)


Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh giảm bất lợi thương mại đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

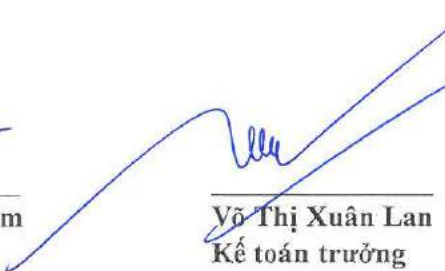
	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	56.309.000.000	(56.309.000.000)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	61.989.355.757	61.989.355.757
Phải thu ngắn hạn khác	159.978.411.936	25.284.932.765	185.263.344.701
Tài sản ngắn hạn khác	33.965.288.522	(33.965.288.522)	-
Phải thu dài hạn khác	-	228.200.000	228.200.000
Tài sản dài hạn khác	228.200.000	(228.200.000)	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	153.941.366.516	(7.442.824.864)	146.498.541.652
Quỹ đầu tư phát triển	72.944.040.466	291.588.227	73.235.628.693
Quỹ dự phòng tài chính	291.588.227	(291.588.227)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	104.540.632.759	(7.442.824.864)	97.097.807.895
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			
Thu nhập khác	33.921.387.313	(7.615.356.077)	26.306.031.236
Chi phí khác	8.192.640.786	(172.531.213)	8.020.109.573
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.364.564.671	(7.442.824.864)	42.921.739.807
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	49.913.406.874	(7.442.824.864)	42.470.582.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.513	(243)	1.270
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Lợi nhuận trước thuế	50.364.564.671	(7.442.824.864)	42.921.739.807
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(63.226.201.316)	7.442.824.864	(55.783.376.452)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(78.028.688.842)	1.556.741.168	(76.471.947.674)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.208.664.604	(4.208.664.604)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(8.488.803.229)	2.651.923.436	(5.836.879.793)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu


Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như s

Năm nay	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	391.914.527.867	577.829.678.204	169.911.700.668	-	1.139.655.906.739
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.914.527.867	577.829.678.204	169.911.700.668	-	1.139.655.906.739
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.909.696.573	100.968.384.410	(4.330.652.959)	-	139.547.428.024
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(80.822.291.567)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	58.725.136.457
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	17.834.832.585
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(57.660.476.990)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	5.564.095.690
Thu nhập khác	-	-	-	-	9.426.493.377
Chi phí khác	-	-	-	-	(3.416.419.122)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(4.213.679.152)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(280.594.896)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	242.000.000	3.793.601.620	45.400.000	-	4.081.001.620
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.552.136.538	11.428.693.314	3.206.925.078	-	16.187.754.930
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(8.326.080.129)	(26.765.140.048)	(417.930.000)	-	(35.509.150.177)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(8.326.080.129)	(26.765.140.048)	(417.930.000)	-	(35.509.150.177)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	273.840.395.683	420.980.759.375	85.049.247.989	-	779.870.403.047
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.840.395.683	420.980.759.375	85.049.247.989	-	779.870.403.047
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.533.161.960	58.386.093.025	(678.826.863)	-	96.240.428.122
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50.655.870.941)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					45.584.557.181
Doanh thu hoạt động tài chính					32.015.697.024
Chi phí tài chính					(54.467.406.861)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					1.502.970.800
Thu nhập khác					26.306.031.236
Chi phí khác					(8.020.109.573)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.228.429.762)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					10.757.541
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					40.704.067.586
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	6.919.190.000	747.842.484	-	7.667.032.484
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.955.051.106	11.940.010.103	6.770.317.072	-	22.665.378.281
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	402.149.860	(469.006.812)	-	-	(66.856.952)

1987
 GT
 EM HUI
 VÀ T
 & C
 PHO

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	464.598.016.979	507.210.756.227	153.053.984.085	-	1.124.862.757.291
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.178.648.264	20.958.431.027	12.103.604.200	-	37.240.683.491
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	495.439.026.697
Tổng tài sản	35.002.128.189	136.111.201.492	602.329.218.542	-	773.442.548.223
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	358.464.444.322
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	1.131.906.992.545
Số đầu năm	560.866.336.936	465.339.598.840	86.968.279.259	-	1.113.174.215.035
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.823.565.682	21.197.875.223	15.135.559.432	-	46.157.000.337
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	458.543.865.861
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.617.875.081.233
Tổng tài sản	102.540.307.734	120.376.299.637	9.006.213.195	-	231.922.820.566
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	887.155.660.365
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.119.078.480.931
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	1.119.078.480.931

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập biểu

Võ Thị Xuân Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Tổng Giám đốc

